



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên độc lập của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29





## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2024: 11.000.000.000 đồng.

Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Lạc Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: [www.stbbt.com.vn](http://www.stbbt.com.vn)

### Lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 33 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

• Ông Vũ Bùi Biên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14/10/2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Trần Văn Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/10/2024
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/10/2024
• Ông Nguyễn Văn So	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Lê Trung Phi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023

### Ban kiểm soát

• Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020
• Ông Lê Trung Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/05/2020

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Minh Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2020
• Ông Nguyễn Khoa Tuyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2025





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL  
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 159/2025/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 02/03/2025 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2025

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2024-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.503.022.429</b>	<b>26.268.824.875</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.765.846.243</b>	<b>5.318.477.315</b>
1. Tiền	111	5	2.765.846.243	5.318.477.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	7.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>774.708.604</b>	<b>4.821.281.793</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	556.385.607	3.702.936.694
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.206.117	457.999.660
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	314.561.804	988.775.673
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(107.444.924)	(328.430.234)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>12.962.467.582</b>	<b>6.105.751.558</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.567.734.854	7.591.120.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(605.267.272)	(1.485.368.566)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>23.314.209</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	23.314.209
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.019.715.476</b>	<b>1.143.238.150</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.291.795.476</b>	<b>415.318.150</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.291.795.476	415.318.150
- Nguyên giá	222		4.021.939.467	3.479.933.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.730.143.991)	(3.064.615.786)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>727.920.000</b>	<b>727.920.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6b	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.522.737.905</b>	<b>27.412.063.025</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.160.258.632</b>	<b>11.899.581.977</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.160.258.632</b>	<b>11.899.581.977</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.577.904.145	5.751.088.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	204.605.782	245.325.652
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	111.343.414	579.466.625
4. Phải trả người lao động	314		2.101.096.801	3.694.955.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	280.141.362	899.061.208
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	49.407.381	85.500.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		835.759.747	644.184.510
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.362.479.273</b>	<b>15.512.481.048</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>15.362.479.273</b>	<b>15.512.481.048</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.310.911.155	2.213.696.100
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.939.158.107	2.186.374.937
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		756.374.937	472.109.472
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.182.783.170	1.714.265.465
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.522.737.905</b>	<b>27.412.063.025</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	84.346.393.977	100.732.784.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	518.961.176	454.641.989
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		83.827.432.801	100.278.142.019
4. Giá vốn hàng bán	11	24	73.183.888.990	87.057.917.539
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>10.643.543.811</b>	<b>13.220.224.480</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.007.692.435	1.488.789.998
7. Chi phí tài chính	22	26	76.011.000	82.553.200
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	6.525.206.720	8.733.473.886
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	3.013.853.158	3.095.549.587
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.036.165.368</b>	<b>2.797.437.805</b>
11. Thu nhập khác	31	28	189.720.262	12.593.690
12. Chi phí khác	32	29	125.060.997	16.647
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>64.659.265</b>	<b>12.577.043</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.100.824.633</b>	<b>2.810.014.848</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	480.573.716	583.696.063
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.620.250.917</b>	<b>2.226.318.785</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.164	1.660
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.164	1.660



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	86.750.923.558	99.607.932.440
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(83.027.182.571)	(93.501.842.859)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.662.330.650)	(5.224.717.026)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 17	(566.963.268)	(551.331.821)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.242.500.454	3.227.311.505
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.456.810.418)	(3.115.015.566)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.719.862.895)</b>	<b>442.336.673</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(999.800.000)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	136.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.020.668.493)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	14.020.668.493	12.700.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 10,25	460.668.187	398.872.731
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.597.231.823</b>	<b>2.098.872.731</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(324.805.730)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 20	(1.430.000.000)	(1.210.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.430.000.000)</b>	<b>(1.534.805.730)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.552.631.072)</b>	<b>1.006.403.674</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	5.318.477.315	4.312.073.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 5</b>	<b>2.765.846.243</b>	<b>5.318.477.315</b>



Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2. Các khoản đầu tư tài chính

##### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### **Dự phòng**

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính theo phương pháp giá bán lẻ với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao

### 4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, từ điển,... áp dụng mức thuế suất 5%;
  - ✓ Các mặt hàng khác như văn phòng phẩm, lịch, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%. Năm 2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các mặt hàng này theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.19 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

#### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	21.323.000	30.499.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.744.523.243	5.287.978.315
<b>Cộng</b>	<b>2.765.846.243</b>	<b>5.318.477.315</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng tại Ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm, tổn thất về giá trị.

#### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	31/12/2024			01/01/2024		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	-	620.484.000	427.920.000	-	427.920.000
<b>Cộng</b>				<b>727.920.000</b>	<b>-</b>	<b>620.484.000</b>	<b>727.920.000</b>	<b>-</b>	<b>427.920.000</b>

- (i) Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có vốn chủ sở hữu được bảo toàn; Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nên Công ty không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 31/12/2024.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Thuận	125.534.680	-
Trường Tiểu học Thuận Minh 2	68.283.200	93.283.200
Các đối tượng khác	362.567.727	3.609.653.494
<b>Cộng</b>	<b>556.385.607</b>	<b>3.702.936.694</b>

### 8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Education Solution Việt Nam	11.206.067	100.409.660
Các đối tượng khác	50	357.590.000
<b>Cộng</b>	<b>11.206.117</b>	<b>457.999.660</b>

### 9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	122.890.411	-	201.004.109	-
Tạm ứng	6.839.891	-	10.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	181.779.386	-	680.510.700	-
Phải thu khác	3.052.116	-	96.760.864	-
<b>Cộng</b>	<b>314.561.804</b>	<b>-</b>	<b>988.775.673</b>	<b>-</b>

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Số đầu kỳ	328.430.234	454.157.267
Trích lập trong kỳ	61.673.928	149.370.327
Hoàn nhập trong kỳ	282.659.238	275.097.360
<b>Số dự phòng cuối kỳ</b>	<b>107.444.924</b>	<b>328.430.234</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	13.567.734.854	(605.267.272)	7.591.120.124	(1.485.368.566)
<b>Cộng</b>	<b>13.567.734.854</b>	<b>(605.267.272)</b>	<b>7.591.120.124</b>	<b>(1.485.368.566)</b>

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 966.983.089 đồng. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2024.

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.082.872.651	412.465.000	3.479.933.936
Mua sắm trong kỳ	-	999.800.000	-	999.800.000
Giảm trong kỳ	-	457.794.469	-	457.794.469
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.984.596.285</b>	<b>1.624.878.182</b>	<b>412.465.000</b>	<b>4.021.939.467</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.593.807.295	1.082.872.651	387.935.840	3.064.615.786
Khấu hao trong kỳ	29.493.504	83.316.666	10.512.504	123.322.674
Giảm trong kỳ	-	457.794.469	-	457.794.469
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.623.300.799</b>	<b>708.394.848</b>	<b>398.448.344</b>	<b>2.730.143.991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	390.788.990	-	24.529.160	415.318.150
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>361.295.486</b>	<b>916.483.334</b>	<b>14.016.656</b>	<b>1.291.795.476</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.095.284.283 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024.

### 13. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số đánh cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Bất động sản là nhà cho thuê tại 13 Nguyễn Du có nguyên giá 210.725.800 đồng, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024.
- Không có bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	5.304.498.532	1.904.322.704
Các đối tượng khác	1.273.405.613	3.846.766.228
<b>Cộng</b>	<b>6.577.904.145</b>	<b>5.751.088.932</b>

#### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	72.000.000	772.834.570
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	5.304.498.532	1.904.322.704
<b>Cộng</b>		<b>5.376.498.532</b>	<b>2.677.157.274</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Lưu Kim Sáng	11.217.569	6.907.448
Trường Tiểu học Gia Huỳnh	15.967.960	15.525.000
Nhà sách Nhất Nguyên	11.423.682	16.237.832
Các đối tượng khác	165.996.571	206.655.372
<b>Cộng</b>	<b>204.605.782</b>	<b>245.325.652</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	370.444.514	94.408.557	447.042.784	-	17.810.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	157.141.565	480.573.716	566.963.268	-	70.752.013
Thuế thu nhập cá nhân	-	51.880.546	231.309.003	260.408.435	-	22.781.114
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	23.314.209	-	79.435.991	56.121.782	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.314.209</b>	<b>579.466.625</b>	<b>890.727.267</b>	<b>1.335.536.269</b>	<b>-</b>	<b>111.343.414</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí hoa hồng môi giới	224.141.362	854.061.208
Chi phí phải trả khác	56.000.000	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>280.141.362</b>	<b>899.061.208</b>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
Thù lao HĐQT, BKS phải trả	33.002.000	85.500.000
Phải trả khác	16.405.381	-
<b>Cộng</b>	<b>49.407.381</b>	<b>85.500.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	11.000.000.000	112.410.011	2.102.380.161	1.682.109.472	14.896.899.644
Tăng trong kỳ	-	-	111.315.939	2.226.318.785	2.337.634.724
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.722.053.320	1.722.053.320
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>2.213.696.100</b>	<b>2.186.374.937</b>	<b>15.512.481.048</b>
Số dư tại 01/01/2024	11.000.000.000	112.410.011	2.213.696.100	2.186.374.937	15.512.481.048
Tăng trong kỳ	-	-	97.215.055	1.620.250.917	1.717.465.972
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.867.467.747	1.867.467.747
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>2.310.911.155</b>	<b>1.939.158.107</b>	<b>15.362.479.273</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2024	01/01/2024
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2024	Năm 2023
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.430.000.000</b>	<b>1.210.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.186.374.937	1.682.109.472
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.620.250.917	2.226.318.785
Phân phối lợi nhuận	1.867.467.747	1.722.053.320
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.430.000.000	1.210.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.430.000.000	1.210.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	437.467.747	512.053.320
- Trích quỹ khen thưởng BĐH	97.215.055	111.315.939
- Trích quỹ khen thưởng	113.417.564	133.579.127
- Trích quỹ phúc lợi	129.620.073	155.842.315
- Quỹ đầu tư phát triển	97.215.055	111.315.939
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>1.939.158.107</b>	<b>2.186.374.937</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế sau năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 31/NQ-ĐHCD-2024 ngày 09/04/2024.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 68/NQ-HĐQT-2024 ngày 14/10/2024.

### f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 09/04/2024 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 13% vốn điều lệ (tương ứng 1.430.000.000 đồng). Trong đó, cổ tức đợt 2 năm 2022 là 1% và cổ tức năm 2023 là 12%. Công ty đã thực hiện chi trả trong năm 2024.

## 21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thẩm định giá BTA Việt Nam	90.400.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Trường Tiểu học Bắc Ruộng 1	24.192.140	Nợ không thu hồi được
Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	27.667.090	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	536.951.461	
<b>Cộng</b>	<b>863.084.838</b>	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán sách giáo khoa	66.793.807.007	71.589.557.516
Doanh thu bán sách tham khảo	2.092.698.027	1.517.251.107
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	4.054.863.911	15.319.816.473
Doanh thu bán hàng hóa khác	11.170.054.733	11.559.568.470
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	234.970.299	746.590.442
<b>Cộng</b>	<b>84.346.393.977</b>	<b>100.732.784.008</b>

### 23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Hàng bán bị trả lại	518.961.176	454.641.989
<b>Cộng</b>	<b>518.961.176</b>	<b>454.641.989</b>

### 24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn sách giáo khoa	61.384.123.400	65.737.778.597
Giá vốn sách tham khảo	1.402.809.196	953.749.420
Giá vốn thiết bị giáo dục	2.731.265.135	10.684.769.853
Giá vốn hàng hóa khác	8.279.316.347	8.344.915.653
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(613.625.088)	1.336.704.016
<b>Cộng</b>	<b>73.183.888.990</b>	<b>87.057.917.539</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	340.600.089	411.553.081
Chiết khấu thanh toán	625.137.946	1.014.724.117
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.954.400	62.512.800
<b>Cộng</b>	<b>1.007.692.435</b>	<b>1.488.789.998</b>

### 26. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	76.011.000	82.553.200
<b>Cộng</b>	<b>76.011.000</b>	<b>82.553.200</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	3.762.441.454	4.943.267.443
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.512.504	10.512.504
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	1.064.418.721	2.000.935.959
Các khoản khác	1.687.834.041	1.778.757.980
<b>Cộng</b>	<b>6.525.206.720</b>	<b>8.733.473.886</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	2.055.134.223	2.215.238.618
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	158.269.796	206.865.805
Các khoản khác	800.449.139	673.445.164
<b>Cộng</b>	<b>3.013.853.158</b>	<b>3.095.549.587</b>

### 28. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi thanh lý TSCĐ	136.363.636	-
Thưởng sản lượng	52.680.710	-
Thu nhập khác	675.916	12.593.690
<b>Cộng</b>	<b>189.720.262</b>	<b>12.593.690</b>

### 29. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Nộp thuế, tiền chậm nộp, phạt VPHC	70.385.779	-
Các khoản khác	54.675.218	16.647
<b>Cộng</b>	<b>125.060.997</b>	<b>16.647</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.100.824.633	2.810.014.848
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	132.391.400	108.465.467
- Điều chỉnh tăng	174.345.800	170.978.267
+ Thù lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	72.011.789	110.273.898
+ Chi phí không được trừ khác	102.334.011	60.704.369
- Điều chỉnh giảm (cổ tức và lợi nhuận được chia)	41.954.400	62.512.800
Tổng thu nhập chịu thuế	2.233.216.033	2.918.480.315
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>480.573.716</b>	<b>583.696.063</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	446.643.206	583.696.063
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	33.930.510	-

### 31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.620.250.917	2.226.318.785
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(340.252.692)	(400.737.381)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	340.252.692	400.737.381
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.279.998.225	1.825.581.404
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.164</b>	<b>1.660</b>

### 32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công	5.817.575.677	7.158.506.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.322.674	40.006.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.927.062	1.536.808.404
Chi phí khác bằng tiền	2.585.347.769	3.178.073.141
<b>Cộng</b>	<b>9.544.173.182</b>	<b>11.913.393.614</b>

### 33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

##### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2024</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	6.577.904.145	-	6.577.904.145
Chi phí phải trả	280.141.362	-	280.141.362
Phải trả khác	49.407.381	-	49.407.381
<b>Cộng</b>	<b>6.907.452.888</b>	<b>-</b>	<b>6.907.452.888</b>

<b>01/01/2024</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	5.751.088.932	-	5.751.088.932
Chi phí phải trả	899.061.208	-	899.061.208
Phải trả khác	85.500.000	-	85.500.000
<b>Cộng</b>	<b>6.735.650.140</b>	<b>-</b>	<b>6.735.650.140</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2024</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.765.846.243	-	2.765.846.243
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	448.940.683	-	448.940.683
Phải thu khác	307.721.913	-	307.721.913
<b>Cộng</b>	<b>10.522.508.839</b>	<b>727.920.000</b>	<b>11.250.428.839</b>

<b>01/01/2024</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.318.477.315	-	5.318.477.315
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.374.506.460	-	3.374.506.460
Phải thu khác	978.275.673	-	978.275.673
<b>Cộng</b>	<b>19.671.259.448</b>	<b>727.920.000</b>	<b>20.399.179.448</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 35. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		Năm 2024	Năm 2023
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách các loại, thiết bị trường học	47.269.835.302	49.166.033.693
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Thiết bị trường học	871.952.755	3.704.188.563
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách các loại	12.557.701.950	13.856.013.167
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cổ tức đã chia	572.000.000	484.000.000

#### c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
Ông Vũ Bùi Biễn	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	20.347.895	25.473.913
Ông Trần Văn Hưng	Thành viên HĐQT	Thù lao	21.431.053	31.842.390
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.568.421	25.473.913
	Giám đốc	Lương, thưởng	349.319.300	357.786.440
Ông Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.568.421	25.473.913
Ông Lê Trung Phi	Thành viên HĐQT	Thù lao	18.568.421	19.105.435
Ông Nguyễn Khoa Tuyển	Thư ký HĐQT	Thù lao	18.568.421	25.473.913
	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	288.837.600	308.762.840
Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	202.684.500	278.214.100
Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	12.378.947	16.982.609
Ông Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	9.284.211	12.736.957
Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên BKS	Thù lao	9.284.211	12.736.957

### 36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt danh sách tạm ứng cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 10%) vào ngày 11/02/2025. Dự kiến chi trả vào ngày 17/03/2025.

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**37. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Nguyễn Minh Hà

Bình Thuận, ngày 02 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

